

Bản án số: 90/2022/DS-PT
Ngày 30-12-2022
V/v tranh chấp lỗi đi chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Thu

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Vân Thúy

Bà Vũ Thị Bích Diệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Khánh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đồng Thị Phương Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 63/2022/TLPT-DS ngày 18 tháng 10 năm 2022 về việc: Tranh chấp lỗi đi chung.

Do bản án Dân sự sơ thẩm số 36/2022/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 108/2022/QĐ-PT ngày 14 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Vũ Thị L và ông Phạm Văn C, cùng địa chỉ: Thôn 5 xã Đ, huyện T, Hải Phòng; đều có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn : Ông Đồng Duyên T và bà Lê Thị Bích H, đều là luật sư Công ty Luật TNHH MTV Duyên Hải thuộc Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng; ông T vắng mặt, bà H có mặt.

2. Bị đơn: Cụ Phạm Văn M, địa chỉ: Thôn 5 xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Phạm Văn Đ, nơi ĐKKHKT: Thôn 5 xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng; nơi ở: Số X đường P, phường V, quận N, thành phố Hải Phòng (Văn bản ủy quyền ngày 07 tháng 4 năm 2022); có mặt.

3. Người kháng cáo: Bà Vũ Thị L và ông Phạm Văn C là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Vợ chồng Bà Vũ Thị L và ông Phạm Văn C là chủ sử dụng hợp pháp của thửa đất số 1017, tờ bản đồ số 01, diện tích 315m² tại xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH551510 ngày 30/12/2006. Toàn bộ diện tích đất của vợ chồng ông bà cùng với diện tích đất 304m² thuộc tờ bản đồ số 02 cùng địa chỉ trên là của cụ Vũ Thị Đ (mẹ của ông bà) đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH551515 ngày 30/12/2006 có nguồn gốc đất là của cụ Phạm Văn C (bố của ông C). Quyền sử dụng đất trên bao gồm ngõ đi riêng của gia đình ông bà và cụ Vũ Thị Đ. Đây là ngõ đi có từ trước năm 1960, có chiều dài 25m, chiều rộng 2,5m ngăn đôi bởi hàng rào bằng cây duối và bờ kè đá được xây dựng từ năm 1960. Từ trước đến nay chỉ có gia đình ông bà sử dụng ổn định ngõ đi này và năm 2003 ông bà đã tôn tạo, đổ bê tông (phần ngõ nhà ông bà) để thuận tiện cho việc đi lại. Năm 2004 gia đình cụ Phạm Văn M cho rằng mình cũng có quyền sử dụng ngõ đi nên đã tự ý phá hàng cây duối và mở cổng vào ngõ đi của gia đình ông bà. Đến khoảng năm 2011 - 2012 bà đồng ý cho đổ bê tông phần ngõ nhà ông bà cùng với phần ngõ chung của các hộ khác để cho ngõ đẹp. Tuy nhiên, đây là ngõ đi riêng nhà ông bà nên ông Phạm Văn C và Bà Vũ Thị L đã nhiều lần yêu cầu cụ Phạm Văn M chấm dứt hành vi mở cổng đi vào ngõ của gia đình nhưng cụ M vẫn cố tình xây cổng, mở lối đi vào ngõ nên năm 2019 ông C dựng cột sắt và chằng lưới xây ngõ riêng nhưng Ủy ban nhân dân xã không cho làm ông bà mới biết là lối đi chung. Vì vậy, ông bà đề nghị Tòa án công nhận 50m² đất ngõ thuộc tờ bản đồ số 01 tại thôn 5, xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng là lối đi riêng của ông Phạm Văn C, Bà Vũ Thị L.

* Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Cụ Phạm Văn M là Ông Phạm Văn Đ trình bày:

Gia đình cụ M, cụ Đ và ông C, bà L sinh sống tại địa chỉ trên từ nhiều năm nay (đất của ông cha để lại). Trước kia gia đình cụ M sử dụng 02 lối đi, một lối đi ở cuối đất giáp đất nhà cụ Đ và một lối đi bên cạnh là lối đi chung với nhà ông C, cụ Đ, bà Loan, bà Mơ. Lối đi bên cạnh này các hộ gia đình vẫn sử dụng chung bình thường. Đây là lối đi chung của các hộ gia đình trong ngõ, việc tôn tạo lối đi chung do các hộ gia đình trong ngõ cùng đóng góp. Việc ông Phạm Văn C và Bà Vũ Thị L yêu cầu công nhận 50m² đất thuộc tờ bản đồ số 01 tại thôn 5, xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng là ngõ đi riêng của ông bà là không có căn cứ.

Với nội dung như trên, tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 36/2022/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng đã căn cứ vào khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 203, 245, 254 của Bộ luật Dân sự; các điều 202, 203 của Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, xác định diện tích đất là lối đi 32 m² tại tờ bản đồ số 01 tại thôn 5, xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng không phải là lối đi riêng của ông Phạm Văn C, Bà Vũ Thị L.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo đối với các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19 tháng 9 năm 2022, Bà Vũ Thị L và ông Phạm Văn C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà L và ông C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo và trình bày: Lối đi này của gia đình bà từ trước năm 1960, nguồn gốc đất của bố mẹ bà là cụ Phạm Văn C và Vũ Thị Đ nên chỉ gia đình bà và cụ Đ sử dụng (sau khi cụ C chết). Gia đình cụ M trước kia đi lối ngõ phía ngoài đến năm 2004 tự ý mở cổng để đi vào ngõ đi của gia đình ông bà mà không được ông bà đồng ý. Vì vậy nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận diện tích 32m² đất (theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ) là lối đi riêng của bà L và ông C.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Về nguồn gốc lối đi nguyên đơn yêu cầu xác định là lối đi riêng của bà L, ông C được hình thành từ trước năm 1960, gắn liền với đất ở và là lối đi riêng của nhà nguyên đơn và cụ Đ (mẹ đẻ của ông C); trước kia ngăn cách với ngõ đi chung của nhà ông Phạm Văn Q là hàng cây chuối và bờ đá đỡ kè. Đất nhà cụ M phần tiếp giáp lối đi xây tường bao gạch đá, không đi lối đi này mà có lối đi khác ra ngõ chung, đến năm 2014 mới mở cổng ra lối đi nhà ông C, bà L. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Loan không thể hiện diện tích đất này là ngõ đi chung. Hiện trạng sử dụng đất thể hiện các hộ gia đình khác có lối đi riêng, ngăn cách với lối đi của nhà ông C, bà L bởi tường bao hiện đã bị phá. Như vậy hiện trạng sử dụng ngõ đi phù hợp nguồn gốc đất và trình bày của nguyên đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định diện tích đất 32m² (mức giới theo sơ đồ) là lối đi riêng của bà L, ông C.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Ông Phạm Văn Đ giữ nguyên quan điểm như tại giai đoạn sơ thẩm. Đại diện bị đơn trình bày gia đình cụ M từ trước vẫn đi 02 lối đi là ngõ phía ngoài và lối đi chung với nhà ông C, bà L cùng các hộ gia đình khác. Đây là ngõ đi chung nên khi đổ bê tông được gia đình cụ M cùng các hộ gia đình khác đóng góp để tôn tạo ngõ. Vì vậy, việc gia đình cụ M mở cổng để đi vào lối đi chung không ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình bà L, ông C. Ông Điều đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm của Kiểm sát viên đối với kháng cáo của nguyên đơn: Bà Vũ Thị L và ông Phạm Văn C yêu cầu Tòa án công nhận 50m² đất ngõ là ngõ đi riêng của nguyên đơn. Theo các tài liệu thu thập chứng cứ và biên bản, sơ đồ xem xét thẩm định tại chỗ có trong hồ sơ; các đương sự thống nhất xác định: Diện tích ngõ đi đang có tranh chấp là 32m² theo đo vẽ hiện trạng thực tế. Nguồn gốc đất theo bản đồ dải thửa, sổ mục kê của xã từ năm 1986 thể hiện diện tích này là lối đi chung từ trước năm 1986, các gia đình sử dụng diện tích đất này làm ngõ đi chung. Tại trích đo bình đồ sử dụng đất (có trước giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) của ông Mỹ, cụ Đ, ông C - bà L (là những hộ đang sử dụng ngõ đi này) đều thể hiện diện tích đang tranh chấp là lối đi chung. Đến năm 2012, các đương sự và những người sử dụng lối đi này góp 2.200.000 đồng mỗi gia đình để đổ bê tông lối đi chung này. Việc sử dụng diện tích đất trên đã ổn định đến năm 2019 thì phát sinh tranh chấp. Các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận diện tích tranh chấp là lối đi chung, không phải lối đi riêng như nguyên đơn đã trình bày. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Đây là vụ án tranh chấp đất đai là lối đi chung theo quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vụ án có kháng cáo nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng theo điểm b khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Xét kháng cáo của nguyên đơn Bà Vũ Thị L và ông Phạm Văn C kháng cáo toàn bộ nội dung của bản án sơ thẩm.

[2] Nguyên đơn yêu cầu Tòa án công nhận 50m² đất thuộc tờ bản đồ số 01 tại thôn 5, xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng là lối đi riêng của vợ chồng ông C, bà L. Tuy nhiên, theo các tài liệu thu thập chứng cứ và biên bản, sơ đồ xem xét thẩm định tại chỗ có trong hồ sơ; tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự thống nhất xác định diện tích lối đi đang có tranh chấp là 32m² theo đo vẽ hiện trạng thực tế.

[3] Xét về nguồn gốc lối đi có diện tích 32m²: Mặc dù nguyên đơn trình bày đây là lối đi riêng của gia đình nguyên đơn có từ trước năm 1960 nhưng theo bản đồ giải thửa (tờ bản đồ số 1) và sổ mục kê năm 1986 của Ủy ban nhân dân xã

Đông Sơn đang quản lý đã thể hiện có phần diện tích là một lối đi chung của các hộ gia đình. Các đương sự đều xác nhận năm 2004 cụ M mở cổng đi cùng lối đi chung này. Đến năm 2005 Cụ Phạm Văn M được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; theo biên bản xác định ranh giới, mốc giới; trích đo bình đồ sử dụng đất đối với thửa đất 1018, tờ bản đồ số 1 tại thôn Thiên Đông, xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng cấp cho Cụ Phạm Văn M và vợ là Vũ Thị Q thể hiện vị trí đất tranh chấp là ngõ xóm. Năm 2006 cụ Vũ Thị Đ và ông Phạm Văn C, Bà Vũ Thị L được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông C, bà L thì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trích đo bình đồ sử dụng đất thể hiện phần diện tích đất đang tranh chấp (32m²) là ngõ đi; cũng như Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thể hiện phần mốc giới, ranh giới (mốc 2-3-4 dài 15m) tiếp giáp đất ngõ đi xóm. Tuy nhiên, sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông C, bà L cũng không có ý kiến gì về Giấy chứng nhận này.

[4] Tài liệu xác minh cũng như tài liệu phía nguyên đơn cung cấp (biên bản làm việc tại Ủy ban nhân dân xã Đông Sơn, huyện Thủy Nguyên) đều thể hiện diện tích đất tranh chấp là lối đi chung. Những hộ sống liền kề diện tích đất này đều trình bày diện tích 32m² ông C, bà L đang yêu cầu Tòa án công nhận là lối đi riêng của nguyên đơn, là lối đi chung từ năm 1986 đến nay và được các hộ liền kề, gia đình cụ M, gia đình ông C, bà L cùng sử dụng. Khoảng năm 2012 các hộ gia đình cùng sử dụng lối đi chung và vào năm 2012 nguyên đơn, bị đơn và những người sử dụng lối đi này đóng góp khoảng 2.200.000 đồng một gia đình để đổ bê tông lối đi chung này. Việc sử dụng lối đi chung này ổn định nhiều năm nay, đến năm 2019 thì phát sinh tranh chấp.

[5] Từ những phân tích trên cho thấy, diện tích đất trên bản đồ giải thửa (tờ bản đồ số 1) hiện Ủy ban nhân dân xã Đông Sơn đang quản lý, sử dụng phù hợp với hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ M, ông C bà L và cụ Đ và tài liệu xác minh đều thể hiện phần diện tích đất 32 m² (theo đo vẽ hiện trạng thực tế, có sơ đồ hiện trạng kèm theo) tờ bản đồ số 01, tại địa chỉ thôn 5, xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng mà ông C, bà L cho rằng là lối đi riêng của gia đình ông bà, là ngõ đi chung. Vì vậy không có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm: Vì bà L và ông C là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm theo điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 38, khoản 1 Điều 308; 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 254 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các điều 171, 203 của Luật Đất đai.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Bà Vũ Thị L và ông Phạm Văn C.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 36/2022/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Vũ Thị L và ông Phạm Văn C; xác định diện tích lối đi 32 m² đất tại tờ bản đồ số 01, địa chỉ thôn 5, xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng không phải là lối đi riêng của ông Phạm Văn C, Bà Vũ Thị L (theo sơ đồ hiện trạng kèm theo, các mốc 7, 27, 26, 25, 25a, 8, 7).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm: Nguyên đơn Bà Vũ Thị L và ông Phạm Văn C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Thu